

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1857 /UBND-KTN

Bình Phước, ngày 18 tháng 6 năm 2015

V/v triển khai thực hiện một số
nội dung của Luật Xây dựng số
50/2014/QH13.

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 18/6/2014 (sau đây viết tắt là Luật Xây dựng 2014) và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015;

Theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn số 3482/BXD-HĐXD ngày 30/12/2014 về việc thực hiện Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 744/SXD-KT&QLXD ngày 20/5/2014 về thực hiện một số nội dung của Luật Xây dựng 2014,

UBND tỉnh triển khai thực hiện một số nội dung của Luật Xây dựng 2014 như sau:

I. Về phân loại dự án đầu tư xây dựng và phân cấp công trình xây dựng:

1. Phân loại dự án đầu tư xây dựng: Dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 49 Luật Xây dựng 2014 được phân loại theo quy mô, tính chất, loại công trình xây dựng của dự án gồm dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C theo các tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công. Cụ thể:

- a) Dự án quan trọng quốc gia (theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công);
- b) Dự án nhóm A (theo quy định tại Điều 8 Luật Đầu tư công);
- c) Dự án nhóm B (theo quy định tại Điều 9 Luật Đầu tư công);
- d) Dự án nhóm C (theo quy định tại Điều 10 Luật Đầu tư công).

2. Phân loại, phân cấp công trình xây dựng: Công trình xây dựng được phân thành 05 loại như sau:

- a) Công trình dân dụng;
- b) Công trình công nghiệp;
- c) Công trình giao thông;
- d) Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- e) Công trình hạ tầng kỹ thuật.



Việc phân loại, phân cấp công trình theo quy định tại Điều 5 Luật Xây dựng 2014 được áp dụng theo các văn bản sau đây:

- Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2013/TT-BXD);

- Thông tư số 09/2014 ngày 10/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2014/TT-BXD).

II. Chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án:

1. Trong thời gian chờ Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Xây dựng 2014, tạm thời giữ nguyên chủ đầu tư và cơ cấu, tổ chức, nhiệm vụ của các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu trình UBND tỉnh thành lập các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư, quản lý đối với các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư, theo các chuyên ngành sau đây:

a) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật trực thuộc Sở Xây dựng;

b) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành công trình công nghiệp trực thuộc Sở Công Thương;

c) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành công trình giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải;

d) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Mỗi chuyên ngành nêu trên chỉ thành lập một ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3. Giao UBND các huyện, thị xã có trách nhiệm khẩn trương kiện toàn, sắp xếp và thành lập các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực trực thuộc UBND các huyện, thị xã theo quy định của Luật Xây dựng 2014 để thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư, quản lý đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư và một số dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư, thực hiện quản lý đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật, thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện, cấp xã. Mỗi huyện, thị xã chỉ thành lập một ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

4. Các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực phải đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Điều 152

Luật Xây dựng 2014, được giao làm chủ đầu tư một số dự án và thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý dự án, tham gia tư vấn quản lý dự án khi cần thiết.

III. Về lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng:

1. Lập dự án và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

a) Dự án được phê duyệt sau ngày 01/01/2015 thì điều chỉnh nội dung phù hợp với quy định tại Điều 54, Điều 55 của Luật Xây dựng 2014 trước khi trình thẩm định, phê duyệt.

b) Công trình xây dựng sử dụng cho mục đích tôn giáo và các công trình xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 55 của Luật Xây dựng 2014.

2. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

2.1. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành sau đây:

a) Sở Xây dựng chủ trì thẩm định công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ, công trình hạ tầng kỹ thuật;

b) Sở Giao thông vận tải chủ trì thẩm định công trình giao thông;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thẩm định công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công thương chủ trì thẩm định công trình công nghiệp (*trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng và công nghiệp nhẹ nêu tại điểm a khoản này*).

2.2. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định toàn bộ nội dung của dự án nhóm B, nhóm C và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng 2014 được đầu tư trên địa bàn tỉnh (*trừ các dự án do cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định*).

2.3. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng 2014 đối với các công trình thuộc dự án nhóm B, nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b). Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2.4. Đối với dự án sử dụng vốn khác:

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng đối với công trình cấp II, cấp III, công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

b) Dự án sử dụng vốn khác không thuộc trường hợp nêu tại điểm a, khoản này do người quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định dự án;

c) Dự án thực hiện theo các hình thức hợp đồng dự án, hợp đồng đối tác công tư có phần góp vốn của nhà nước do các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở của dự án. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư thẩm định các nội dung khác trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2.5 Đối với dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thì thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng được quy định như sau:

a) Trường hợp sử dụng vốn ngân sách nhà nước thì các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo thẩm quyền có trách nhiệm chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng quy định tại khoản 4 Điều 58 của Luật Xây dựng 2014;

b) Trường hợp sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách thì các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo thẩm quyền có trách nhiệm chủ trì thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định phân thiết kế công nghệ (nếu có), các nội dung khác của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

c) Trường hợp sử dụng vốn khác thì người quyết định đầu tư, chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và tự chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định (*trừ các công trình cấp đặc biệt, cấp I và công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng*).

2.6. Dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định.

2.7. Chi phí thẩm tra, phí thẩm định dự án và thiết kế cơ sở được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

2.8. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định dự án trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

2.9. Tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định, thẩm tra dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định, thẩm tra của mình. Tổ chức, cá nhân lập dự án không được tham gia thẩm định, thẩm tra dự án do mình lập.

3. Hồ sơ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng gồm:

- a) Tờ trình thẩm định dự án của chủ đầu tư;
- b) Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;
- c) Các tài liệu, văn bản có liên quan.
- d) Chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định (theo quy định tại điều 40 của Luật Đầu tư công).

4. Nội dung thẩm định dự án đầu tư xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng 2014.

IV. Về lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng:

1. Lập và thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng: Từ 01/01/2015, công trình chưa được phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng thì nội dung lập, thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 80, Điều 83 của Luật Xây dựng 2014. Trong quá trình rà soát nếu có nội dung không phù hợp thì phải thực hiện điều chỉnh trước khi thẩm định.

2. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng: Thực hiện theo quy định về thẩm quyền và quy trình thẩm tra thiết kế tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ và Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng và hướng dẫn dưới đây:

2.1. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước hoặc một bước.

a) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước hoặc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng cùng với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trong trường hợp thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế ba bước.

2.2. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

a). Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước hoặc một bước. Phân thiết kế công nghệ và nội dung khác (nếu có) do cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định.

b) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công.

Đối với trường hợp thiết kế hai bước, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình.

2.3. Đối với công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn khác:

a) Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế hai bước đối với công trình xây dựng cấp II, cấp III, công trình công cộng, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng. Phần thiết kế công nghệ (nếu có), dự toán xây dựng do cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định.

b) Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đối với các công trình còn lại.

c) Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng.

2.4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thẩm định về môi trường, phòng, chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật khi thẩm định thiết kế xây dựng.

2.5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng do mình thực hiện.

3. Hồ sơ trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng.

4. Nội dung thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng 2014.

5. Nội dung phê duyệt thiết kế xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 của Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng và Khoản 3, Điều 20 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ.

V. Về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng, và cấp giấy phép xây dựng: Giao Giám đốc Sở Xây dựng hướng dẫn bằng văn bản để thực hiện các nội dung này theo quy định hiện hành của pháp luật.

VI. Về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng:

1. Việc cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi là Nghị định số 12/2009/NĐ-CP) và Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

2. Việc đánh giá năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức áp dụng theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày

06/7/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng.

3. Việc đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng áp dụng theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng Quy định công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình.

VII. Xử lý chuyển tiếp:

1. Trường hợp hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng đã trình các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm tra trước ngày 01/01/2015 thì tiếp tục thực hiện theo Luật Xây dựng 2003.

2. Trường hợp phê duyệt điều chỉnh dự án, phê duyệt điều chỉnh thiết kế sau ngày 01/01/2015 thì thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng 2014.

VIII. Tổ chức thực hiện:

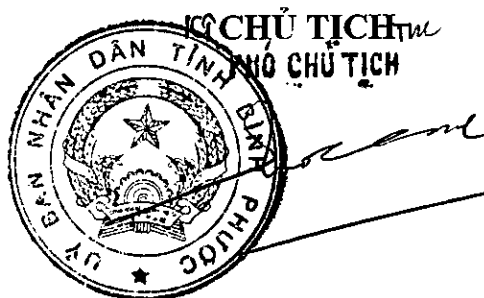
1. Các nội dung triển khai từ Mục I đến Mục VI của văn bản này được thực hiện từ ngày 01/01/2015 cho đến khi có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng 2014 có hiệu lực;

2. Những nội dung mà Luật Xây dựng 2014 đã quy định chi tiết thì thực hiện theo Luật kể từ ngày 01/01/2015;

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ XD (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- L ĐVP. P: KTN, KTTH
- Lưu: VT.(Trung)



Trần Ngọc Trai